

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14-07-2025

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình H

Bà Nguyễn Thị Lương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thuý - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Trần Huy Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Phạm Thị P; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 2 Dương Quan, phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Chùa Mới, phường Lưu Kiếm, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn H; nơi đăng ký thường trú: Tổ dân phố 2, Dương Quan, phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 25 tháng 2 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị P trình bày:

Chị Phạm Thị P kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dương (nay là phường Thủy Nguyên), thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 02 năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H sử dụng ma túy, không chịu khó lao động làm ăn. Chị P đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng ngày càng căng thẳng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Đến năm 2024 anh H bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, hiện anh H bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hải Phòng. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H. Chị và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 17/12/2016, Nguyễn Phạm Tuấn Tú, sinh ngày 29/7/2019 và Nguyễn Phạm Quân Anh, sinh ngày 14/11/2022. Đối với con tên Phạm Minh Vũ, sinh ngày 28/10/2014 tại Giấy khai sinh chưa đăng ký họ tên người cha, chị P không có yêu cầu xác định cha con giữa cháu Phạm Minh Vũ và anh Nguyễn Văn H. Khi ly hôn chị P xin được trực tiếp nuôi 03 con chung và con Phạm Minh Vũ. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và Biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2025 bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Phạm Thị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Dương (nay là phường Thủy Nguyên), ngày 13 tháng 02 năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng hoà thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì xảy ra mâu thuẫn do anh H sử dụng ma túy, bản thân chị P cũng thiếu quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên đi sớm về muộn, có những mối quan hệ không rõ ràng và xúc phạm gia đình anh H nhiều lần dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Tháng 11/2024 anh H bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy đến tháng 5/2024 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 08 năm tù giam. Nay chị P có yêu cầu ly hôn, anh H không đồng ý. Trường hợp chị P kiên quyết ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật giải quyết. Anh và chị P có 04 con chung là Phạm Minh Vũ, sinh ngày 28/10/2014, Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 17/12/2016, Nguyễn Phạm Tuấn Tú, sinh ngày 29/7/2019 và Nguyễn Phạm Quân Anh, sinh ngày 14/11/2022. Do anh H đang bị tạm giam nên chỉ đồng ý ly hôn chị P với điều kiện chị P để cho

gia đình anh nuôi dưỡng 04 con chung. Đối với con Phạm Minh Vũ anh H không yêu cầu Toà án giám định xác định cha con hay bất cứ thủ tục gì khác liên quan. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh H không yêu cầu Toà án giải quyết. Anh và chị P không có tài sản chung, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H. Giao 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 17/12/2016, Nguyễn Phạm Tuấn Tú, sinh ngày 29/7/2019 và Nguyễn Phạm Quân Anh, sinh ngày 14/11/2022 cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Đối với con tên Phạm Minh Vũ, sinh ngày 28/10/2014 có trước thời kỳ hôn nhân, chị P và anh H đều không có yêu cầu xác định cha con trong vụ án này. Chị P xin được trực tiếp nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Phạm Minh Vũ cho Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung các đương sự không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Trích lục kết hôn, bản sao căn cước công dân, bản sao giấy khai sinh của con; bản sao trích lục khai sinh; đơn nguyện vọng của con; Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai, Biên bản xác minh tại chính quyền địa P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn H tuy đang bị tạm giam nhưng có nơi cư trú tại xã Tân Dương nay là phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt do đang bị tạm giam. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn H.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, căng thẳng nhất là năm 2024. Nguyên nhân do anh H sử dụng ma túy, không chịu khó lao động làm ăn. Chị P đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh H không thay đổi dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng ngày càng căng thẳng xảy ra cãi mắng lẫn nhau và đã sống ly thân. Tháng 11/2024 anh H bị bắt về hành vi mua bán trái phép chất ma túy và đến tháng 5/2025 anh H bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 08 năm tù giam. Từ khi anh H bị bắt tạm giam đến nay chị P không lần nào quan tâm, thăm hỏi. Chị P khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết xin ly hôn anh H. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H có 03 con chung là Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 17/12/2016, Nguyễn Phạm Tuấn Tú, sinh ngày 29/7/2019 và Nguyễn Phạm Quân Anh, sinh ngày 14/11/2022. Đối với con tên Phạm Minh Vũ, sinh ngày 28/10/2014 anh H có lời khai thể hiện là con của anh H và chị P. Tuy nhiên, do con Phạm Minh Vũ được sinh ra trước khi anh H và chị P đăng ký kết hôn, tại Giấy khai sinh của cháu Phạm Minh Vũ chỉ ghi họ tên người mẹ là Phạm Thị P, không ghi họ tên người cha, chị P và anh H đều không có yêu cầu Tòa án giám định xác định cha con giữa anh H và cháu Phạm Minh Vũ. Khi ly hôn chị P, anh H đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi cả 04 con. Xét các cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Nguyễn Phạm Tuấn Tú, Nguyễn Phạm Quân Anh và Phạm Minh Vũ hiện đang ăn ở ổn định cùng chị P và vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, bản thân anh H hiện đang chấp hành án tại trại giam nên Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Thị Ngọc Ánh, Nguyễn Phạm Tuấn Tú, Nguyễn Phạm Quân Anh và Phạm Minh Vũ cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với nguyện vọng của các con trên 7 tuổi và các quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn

nhân và gia đình. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Phạm Thị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc Ánh, sinh ngày 17/12/2016, Nguyễn Phạm Tuấn Tú, sinh ngày 29/7/2019; Nguyễn Phạm Quân Anh, sinh ngày 14/11/2022 và con tên Phạm Minh Vũ, sinh ngày 28/10/2014 cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Văn H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0010422 ngày 05 tháng 3 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuỷ Nguyên (nay thuộc Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng). Chị Phạm Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND Khu vực 1 - Hải Phòng;
- THADS thành phố Hải Phòng;
- UBND phường Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng (Giấy chứng nhận kết hôn số 08 ngày 13/02/2017);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

